HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều 39 theo Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 1532/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều 39 theo Luật Phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 483/BC-BKTNS ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết Quy định Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều 39 theo Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật số 18/2026/QH16) được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều 39 Luật số 18/2026/QH16 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển ban hành kèm theo Nghị quyết này và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển

Ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Nghị quyết này bao gồm:

1. Kinh tế hàng hải.

2. Logistics.

3. Công nghiệp hỗ trợ hoạt động dầu khí, dịch vụ dầu khí.

4. Năng lượng, năng lượng tái tạo.

5. Du lịch và dịch vụ biển.

6. Nuôi trồng và khai thác hải sản.

7. Công nghiệp ven biển.

8. Các hoạt động kinh tế biển khác.

(Danh mục chi tiết các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều này được ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị quyết này)

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng Danh mục

1. Danh mục ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển ban hành kèm theo Nghị quyết này là căn cứ để xác định dự án đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực phát triển kinh tế biển được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 39 Luật số 18/2026/QH16 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Việc áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chí theo quy định tại khoản 7 Điều 39 Luật số 18/2026/QH16 và các quy định pháp luật có liên quan; không thay thế việc thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp dự án đầu tư có nhiều mục tiêu, hạng mục đầu tư thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau, việc xác định ngành, lĩnh vực được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ căn cứ vào tính chất hoạt động, sản phẩm, dịch vụ đầu ra và mối liên hệ trực tiếp với biển, không gian biển hoặc chuỗi giá trị kinh tế biển. Việc xem xét áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ chỉ thực hiện đối với phần hoạt động thuộc Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật; phần hoạt động được hưởng ưu đãi, hỗ trợ phải được xác định, hạch toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Trường hợp dự án đầu tư đồng thời đáp ứng điều kiện hưởng nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo các quy định pháp luật khác nhau thì việc áp dụng thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng; trường hợp có nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đối với cùng một nội dung thì áp dụng mức có lợi nhất cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật, bảo đảm không trùng lặp ưu đãi, hỗ trợ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này; tổ chức kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan; chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả tổ

chức thực hiện Nghị quyết và việc giải trình các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, bảo đảm Nghị quyết được triển khai thực chất, hiệu quả.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVNTP;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tm).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh

PHỤ LỤC
DANH MỤC NGÀNH, LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN
(Kèm theo Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

STT	Nhóm ngành, lĩnh vực kinh tế biển
I	**Kinh tế hàng hải**
1	Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương
2	Đóng tàu và cấu kiện nổi
3	Dịch vụ khai thác cảng biển và dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển
II	**Logistics**
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan/đông lạnh
III	**Công nghiệp hỗ trợ hoạt động dầu khí, dịch vụ dầu khí**
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
6	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ dầu khí
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp phục vụ dầu khí
IV	**Năng lượng, năng lượng tái tạo**
8	Sản xuất điện gió; điện mặt trời; điện hydro từ nguồn năng lượng tái tạo; khí tự nhiên
9	Xây dựng công trình điện phục vụ năng lượng biển
10	Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện phục vụ năng lượng biển
V	**Du lịch và dịch vụ biển**
11	Vận tải hành khách cố định, hành khách du lịch ven biển và tàu biển phục vụ du lịch
12	Bến tàu khách du lịch, bến du thuyền và công trình phụ trợ gắn trực tiếp với biển
13	Hoạt động vui chơi, giải trí gắn trực tiếp với biển
VI	**Nuôi trồng và khai thác hải sản**
14	Khai thác, nuôi trồng, sản xuất thủy sản biển
15	Dịch vụ hỗ trợ khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản biển
16	Kho bãi, bảo quản và logistics sản phẩm thủy sản biển
VII	**Công nghiệp ven biển**
17	Công nghệ sinh học biển, y - dược biển, khử mặn nước biển, sản xuất sản phẩm công nghệ số phục vụ trực tiếp kinh tế biển.
VIII	**Các hoạt động kinh tế biển khác**
18	Dịch vụ môi trường hoạt động bảo vệ môi trường biển, xử lý rác thải nhựa đại dương, tái chế tài nguyên biển và phục hồi hệ sinh thái
19	Trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ chắn sóng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng và dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng ven biển